

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG
NÔNG NGHIỆP**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch
Ông Đặng Thế Vinh	Thành viên
Ông Đỗ Quang Vinh	Thành viên
Ông Phạm Đức Tuấn	Thành viên
Ông Dương Văn Thành	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Mai Khánh Chung	Trưởng ban
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên
Bà Tô Thị Phương Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Tinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Tá Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Sinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính nội dung sau đây:

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 28 tháng 5 năm 2013, Công ty nhận được một đề nghị trả lãi cho tiền bồi thường bảo hiểm chậm thanh toán của một khách hàng. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã có văn bản đề nghị không phải thanh toán khoản lãi này và phía khách hàng đang xem xét đề nghị của Công ty. Báo cáo tài chính này chưa bao gồm chi phí lãi phải trả (nếu có) liên quan đến sự kiện trên do hai bên đang trong quá trình đàm phán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng khách hàng sẽ không tính lãi chậm trả nữa. Vì vậy, Công ty không ghi nhận lãi chậm trả nói trên.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0797-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01-DNBH

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		1.335.873.092.035	775.804.340.604
I. Tiền	110		63.694.473.724	40.103.087.430
1. Tiền mặt tại quỹ	111		1.848.902.335	2.597.808.908
2. Tiền gửi ngân hàng	112		61.845.571.389	37.505.278.522
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	551.017.374.063	566.154.606.366
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		-	50.000.000.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		551.017.374.063	516.154.606.366
III. Các khoản phải thu	130	7	708.933.517.415	161.595.494.491
1. Phải thu khách hàng	131		690.559.968.087	144.225.004.168
2. Trả trước cho người bán	132		1.693.663.345	25.100.000
3. Các khoản phải thu khác	138		19.685.486.245	21.117.015.067
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.005.600.262)	(3.771.624.744)
IV. Hàng tồn kho	140		1.463.986.180	1.322.146.406
1. Nguyên liệu, vật liệu	142		1.438.899.476	1.292.906.976
2. Công cụ, dụng cụ	143		25.086.704	29.239.430
V. Tài sản lưu động khác	150		10.763.740.653	6.629.005.911
1. Tạm ứng	151		6.269.567.084	2.239.755.948
2. Chi phí trả trước	152		4.466.473.569	4.337.149.963
3. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	154		27.700.000	52.100.000
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		108.188.457.083	109.097.334.056
I. Tài sản cố định	210		93.992.199.483	94.301.774.695
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	76.153.332.369	76.750.673.622
- Nguyên giá	212		90.475.028.745	90.203.831.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(14.321.696.376)	(13.453.157.611)
2. Tài sản cố định vô hình	217	9	17.838.867.114	17.551.101.073
- Nguyên giá	218		18.738.127.962	18.343.227.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(899.260.848)	(792.126.889)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	10	7.725.357.600	8.331.268.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		14.719.049.811	14.719.049.811
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		(6.993.692.211)	(6.387.781.811)
III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6.470.900.000	6.464.291.361
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		470.900.000	464.291.361
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		1.444.061.549.118	884.901.674.660

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01-DNBH

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		998.018.818.845	424.792.328.705
I. Nợ ngắn hạn	310		684.531.285.833	128.501.992.274
1. Phải trả người bán	313	11	595.849.711.019	82.855.121.378
2. Người mua trả tiền trước	314		413.370.178	1.164.990.434
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	12	6.859.716.733	6.324.366.898
4. Phải trả công nhân viên	316		41.163.623.364	25.145.418.950
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	13	22.350.587.748	4.976.016.703
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		17.894.276.791	8.036.077.911
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	14	313.457.468.499	296.260.271.918
1. Dự phòng phí	331		222.489.058.874	198.760.812.128
2. Dự phòng bồi thường	333		54.417.688.865	63.290.932.502
3. Dự phòng dao động lớn	334		36.550.720.760	34.208.527.288
III. Nợ khác	340		30.064.513	30.064.513
1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		5.000.000	5.000.000
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	347		25.064.513	25.064.513
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446.042.730.273	460.109.345.955
I. Nguồn vốn, quỹ	410	15	446.042.730.273	460.109.345.955
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần			12.000.000.000	12.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ			(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	414		8.034.780.865	4.575.165.052
5. Quỹ dự phòng tài chính	415		6.175.405.963	2.715.790.150
6. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		8.984.090.302	8.984.090.302
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.746.853.143	65.732.700.451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		1.444.061.549.118	884.901.674.660

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	30/6/2013	31/12/2012
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm (Đồng Việt Nam)	41.069.020.381	30.644.917.399
2. Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	118.751,19	4.542,43



Nguyễn Văn Minh
Tổng Giám đốc

Phạm Minh Trí
Người lập biểu kiểm
Trưởng phòng kế toán tài chính

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02a-DNBH

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		246.136.116.477	211.871.513.886
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		10.191.793.559	10.039.670.193
3. Các khoản giảm trừ:	03		22.108.402.694	35.243.463.487
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		19.372.956.388	34.081.710.090
- Hoàn phí bảo hiểm	06		2.735.446.306	1.161.753.397
4. Tăng dự phòng phí	08		(23.728.246.746)	(8.301.217.444)
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		4.548.427.544	8.201.223.092
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		209.950.000	109.935.455
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		215.249.638.140	186.677.661.695
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		575.837.968.114	48.503.622.517
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		8.360.530.644	3.662.774.381
10. Các khoản giảm trừ	17		525.454.144.491	5.865.552.596
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		524.736.665.740	5.587.102.096
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		371.807.501	72.691.000
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		345.671.250	205.759.500
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		58.744.354.267	46.300.844.302
12. (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường	23		(8.873.243.637)	22.704.468
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24		2.342.193.472	5.600.031.618
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		51.485.697.258	39.509.189.023
14.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		48.782.246.973	36.813.020.575
14.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		2.703.450.285	2.696.168.448
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		103.699.001.360	91.432.769.411
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		111.550.636.780	95.244.892.284
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	16	87.749.573.233	88.195.174.637
18. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		23.801.063.547	7.049.717.647
19. Doanh thu hoạt động tài chính	46	17	24.015.790.274	39.282.457.938
20. Chi phí hoạt động tài chính	47	18	1.232.375.439	(4.624.304.283)
21. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		22.783.414.835	43.906.762.221
22. Thu nhập hoạt động khác	52		74.916.969	2.269.495
23. Chi phí hoạt động khác	53		4.217.753	-
24. Lợi nhuận hoạt động khác	54		70.699.216	2.269.495
25. Tổng lợi nhuận kế toán	55		46.655.177.598	50.958.749.363
26. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		46.811.177.598	51.051.727.487
27. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	19	11.702.794.400	12.762.931.872
28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62		34.952.383.198	38.195.817.491
29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	63	20	948,72	1.036,75



Nguyễn Văn Minh
Tổng Giám đốc

Phạm Minh Trí
Người lập biểu kiểm
Trưởng phòng kế toán tài chính

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	238.721.865.106	230.570.186.634
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	4.100.000	50.012.438
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	324.428.294.908	227.615.690.372
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(124.284.227.935)	(50.365.666.905)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(43.512.738.337)	(43.463.073.126)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(30.216.765.462)	(20.322.514.869)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(29.512.939.075)	(23.019.500.148)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(27.632.509.160)	(23.292.595.708)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(284.362.465.069)	(223.535.262.269)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(19.844.788.230)	(20.632.616.597)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.787.826.746	53.604.659.822
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25	(3.872.640.454)	(42.620.350.000)
2. Tiền thu từ khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	130.786.468.682	73.000.000.000
3. Tiền thu lãi đầu tư	22	29.949.991.622	43.724.916.945
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(117.000.000.000)	(90.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	39.863.819.850	(15.895.433.055)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(20.060.260.302)	(21.748.820.873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.060.260.302)	(21.748.820.873)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.591.386.294	15.960.405.894
Tiền đầu kỳ	60	40.103.087.430	46.819.510.177
Tiền cuối kỳ	70	63.694.473.724	62.779.916.071



Nguyễn Văn Minh
Tổng Giám đốc

Phạm Minh Trí
Người lập biểu kiêm
Trưởng phòng kế toán tài chính

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC3/KDBH ngày 26 tháng 7 năm 2011. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 380 tỷ đồng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và 9 chi nhánh: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nông nghiệp Hà Nội (“ABIC”) Hà nội, ABIC Hồ Chí Minh, ABIC Đà Nẵng, ABIC Nghệ An, ABIC Đắk Lak, ABIC Hải Phòng, ABIC Khánh Hòa, ABIC Cần Thơ, ABIC Thanh Hóa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 424 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 425 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bao gồm các nghiệp vụ về bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin quan trọng khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác (không bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp), dự phòng bồi thường và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản vô hình khác. Phần mềm máy tính và các tài sản vô hình khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Trợ cấp thôi việc phải trả**

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Công văn phê duyệt số 17755/BTC-QLBH ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, theo đó:

Dự phòng phí:

Mức trích lập quỹ dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không) được tính bằng 25% phí giữ lại và đối với các loại hình bảo hiểm khác được tính bằng 50% phí giữ lại trong kỳ.

Dự phòng bồi thường:

- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết, Công ty trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR): Công ty đang áp dụng mức trích lập 3% tổng số phí giữ lại trong kỳ hoạt động thuộc trách nhiệm của Công ty theo Công văn phê duyệt số 17755/BTC-QLBH ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Dự phòng nghiệp vụ (Tiếp theo)*****Dự phòng dao động lớn:***

Dự phòng dao động lớn được trích hàng kỳ theo phương pháp thống kê (tỷ lệ 1% trên mức phí giữ lại của tất cả các nghiệp vụ) cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của kỳ hoạt động theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Công văn phê duyệt số 17755/BTC-QLBH ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Ngày 28 tháng 9 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - "Hợp đồng bảo hiểm" kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có Thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên việc Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19. Ảnh hưởng của Chuẩn mực này đến báo cáo tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

Việc phân phối lợi nhuận sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Ký quỹ bảo hiểm.

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua nợ phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như cho lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngắn hạn (*)	542.000.000.000	502.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	9.017.374.063	14.154.606.366
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	50.000.000.000
	551.017.374.063	566.154.606.366

(*) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm bằng đồng Việt nam tại các Chi nhánh/Sở giao dịch thuộc hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam. Lãi suất được hưởng từ 6% đến 8%/năm.

(**) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm tại Công ty cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ALC1) và Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ALC2). Lãi suất được hưởng từ 9% đến 13%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, khoản tiền gửi này đã quá hạn và đang được thu hồi dần bằng cổ tức được chia hàng năm. Hơn nữa, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã có kế hoạch mua lại phần vốn góp của ALC1 và ALC2 tại Công ty. Do đó, Công ty hoàn toàn tin tưởng có thể thu hồi đầy đủ phần nợ gốc và lãi của khoản tiền gửi trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy
 Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu của khách hàng (*)	690.559.968.087	144.225.004.168
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	106.581.455.695	46.175.638.690
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	3.921.964.901	6.406.655.356
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	574.954.728.684	79.837.664.592
Phải thu hoạt động tài chính	5.101.818.807	11.805.045.530
Trả trước cho người bán	1.693.663.345	25.100.000
Các khoản phải thu khác	19.685.486.245	21.117.015.067
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông Nghiệp (**)	18.025.000.000	18.025.000.000
Các khoản phải thu khác	1.660.486.245	3.092.015.067
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.005.600.262)	(3.771.624.744)
	708.933.517.415	161.595.494.491

(*) Phải thu của khách hàng bao gồm chủ yếu phải thu các nhà đồng và tái bảo hiểm liên quan đến vụ chìm tàu Vinalines Queen xảy ra vào cuối năm 2011 với số tiền bồi thường được chấp nhận là 27.000.000 USD. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty chắc chắn thu hồi được số tiền này do các nhà tái và đồng bảo hiểm đã chấp nhận bồi thường.

(**) Thể hiện khoản đặt cọc mua cổ phiếu tại Công ty Cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (ALC1). Hiện tại, ALC1 đang gặp vấn đề về thanh khoản và kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ nên quá trình cổ phần hóa bị tạm hoãn. ALC1 đã xác nhận khoản đặt cọc này nằm trong số dư tài khoản cổ phần hóa của ALC1 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và đợi khi có quyết định chính thức của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa của ALC1, ALC1 sẽ thông báo cho Công ty về việc trả lại số tiền đặt cọc hay tiếp tục cổ phần hóa ALC1. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng không có tổn thất nào đáng kể cần phải lập dự phòng cho khoản phải thu này.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	65.616.251.581	16.632.035	12.560.666.303	8.630.949.628	3.379.331.686	90.203.831.233
Tăng trong kỳ	-	-	2.848.345.454	574.295.000	-	3.422.640.454
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(16.632.035)	-	(3.099.310.907)	(35.500.000)	(3.151.442.942)
Tại ngày 30/6/2013	65.616.251.581	-	15.409.011.757	6.105.933.721	3.343.831.686	90.475.028.745
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	1.753.944.612	16.632.035	7.246.352.332	4.303.783.459	132.445.173	13.453.157.611
Trích khấu hao trong kỳ	1.093.610.646	-	1.029.136.932	901.764.800	406.222.510	3.430.734.888
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(16.632.035)	-	(2.520.268.626)	(25.295.462)	(2.562.196.123)
Tại ngày 30/6/2013	2.847.555.258	-	8.275.489.264	2.685.279.633	513.372.221	14.321.696.376
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	62.768.696.323	-	7.133.522.493	3.420.654.088	2.830.459.465	76.153.332.369
Tại ngày 31/12/2012	63.862.306.969	-	5.314.313.971	4.327.166.169	3.246.886.513	76.750.673.622

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	1.166.790.962	17.076.437.000	100.000.000	18.343.227.962
Tăng trong kỳ	450.000.000	-	-	450.000.000
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(55.100.000)	-	-	(55.100.000)
Tại ngày 30/6/2013	1.561.690.962	17.076.437.000	100.000.000	18.738.127.962
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	742.395.702	-	49.731.187	792.126.889
Trích khấu hao trong kỳ	106.644.205	-	16.666.666	123.310.871
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(16.176.912)	-	-	(16.176.912)
Tại ngày 30/6/2013	832.862.995	-	66.397.853	899.260.848
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	728.827.967	17.076.437.000	33.602.147	17.838.867.114
Tại ngày 31/12/2012	424.395.260	17.076.437.000	50.268.813	17.551.101.073

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam (*)	14.719.049.811	14.719.049.811
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(6.993.692.211)	(6.387.781.811)
	7.725.357.600	8.331.268.000

(*) Thể hiện giá gốc của 1.557.776 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Trong đó, số cổ tức bằng cổ phiếu đã nhận đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 88.176 cổ phiếu (đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 88.176 cổ phiếu). Dự phòng giảm giá đầu tư đang được trích lập theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc (*)	548.360.533.530	18.517.735.054
Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	1.974.899.105	2.580.726.690
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	45.066.220.405	57.142.548.943
Phải trả khác cho người bán	448.057.979	4.614.110.691
	595.849.711.019	82.855.121.378

(*) Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc bao gồm chủ yếu khoản phải trả tiền bồi thường liên quan đến vụ chìm tàu Vinalines Queen xảy ra vào cuối năm 2011 với số tiền bồi thường được chấp nhận là 27.000.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
1. Thuế giá trị gia tăng	633.000.921	7.768.936.593	7.250.185.657	1.151.751.857
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.426.156.954	11.702.794.400	11.416.021.417	5.712.929.937
3. Thuế thu nhập cá nhân - Cán bộ công nhân viên	210.965.626	2.193.722.688	2.491.388.067	(86.699.753)
4. Thuế thu nhập cá nhân đại lý	54.243.397	224.018.278	193.526.983	84.734.692
5. Thuế môn bài	-	11.000.000	14.000.000	(3.000.000)
Cộng	6.324.366.898	21.900.471.959	21.365.122.124	6.859.716.733

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả khen thưởng đại lý	1.137.500.000	-
Kinh phí công đoàn	140.005.289	195.078.295
Bảo hiểm xã hội	68.146.002	44.919.734
Phải trả kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	21.000.000	1.000.000
Bảo hiểm y tế	11.325.631	16.142.641
Bảo hiểm thất nghiệp	974.668	2.849.465
Phải trả cổ tức	17.387.132.000	1.105.732.000
Phải trả liên quan đến thủ tục làm sổ đỏ cho trụ sở chính	2.509.650.000	2.509.650.000
Phải trả khác	1.074.854.158	1.100.644.568
	22.350.587.748	4.976.016.703

14. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	01/01/2013 VND	Trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ VND	30/6/2013 VND
Dự phòng phí	198.760.812.128	23.728.246.746	222.489.058.874
Dự phòng bồi thường	63.290.932.502	(8.873.243.637)	54.417.688.865
Dự phòng dao động lớn	34.208.527.288	2.342.193.472	36.550.720.760
	296.260.271.918	17.197.196.581	313.457.468.499

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

15. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bắt buộc	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	380.000.000.000	12.000.000.000	(13.898.400.000)	5.524.474.489	-	1.859.374.902	51.600.012.858	437.085.462.249
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	69.192.316.264	69.192.316.264
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	3.459.615.813	2.715.790.150	2.715.790.150	(17.717.828.671)	(8.826.632.558)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(36.841.800.000)	(36.841.800.000)
Thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	380.000.000.000	12.000.000.000	(13.898.400.000)	8.984.090.302	2.715.790.150	4.575.165.052	65.732.700.451	460.109.345.955
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	34.952.383.198	34.952.383.198
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (*)	-	-	-	-	3.459.615.813	3.459.615.813	(18.596.430.506)	(11.677.198.880)
Trả cổ tức trong kỳ (*)	-	-	-	-	-	-	(36.841.800.000)	(36.841.800.000)
Thường Ban Điều hành (*)	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 30/6/2013	380.000.000.000	12.000.000.000	(13.898.400.000)	8.984.090.302	6.175.405.963	8.034.780.865	44.746.853.143	446.042.730.273

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty số 42/2013/NQ-ABIC-DHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt theo danh sách cổ đông chốt ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tương đương 36.841.800.000 đồng, trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ Khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 18.596.430.506 đồng và chi quỹ thường Ban Điều hành 500 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***15. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Nguồn vốn kinh doanh**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	Tại ngày 30/6/2013		Tại ngày 31/12/2012	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	153.000.000.000	40,26%	153.000.000.000	40,26%
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	32.000.000.000	8,42%	32.000.000.000	8,42%
Công ty Cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông Nghiệp	21.000.000.000	5,53%	21.000.000.000	5,53%
Công ty Cho thuê Tài chính II - Ngân hàng Nông Nghiệp	21.000.000.000	5,53%	21.000.000.000	5,53%
Các cổ đông phổ thông	153.000.000.000	40,26%	153.000.000.000	40,26%
	380.000.000.000	100,00%	380.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	30/06/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	1.158.200	1.158.200
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	36.841.800	36.841.800

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	52.426.467.527	54.320.874.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.140.146.866	9.367.847.783
Chi phí nguyên vật liệu	4.053.154.588	2.276.540.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.554.045.759	1.832.919.347
Thuế và các khoản lệ phí khác	2.293.327.138	2.125.626.740
Công cụ, dụng cụ văn phòng	1.061.388.580	894.778.764
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(753.629.342)	1.474.250.871
Chi phí bằng tiền khác	15.974.672.117	15.902.335.805
	87.749.573.233	88.195.174.637

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Thu lãi tiền gửi ngân hàng, trái phiếu	23.927.481.793	39.279.568.194
Lãi chênh lệch tỷ giá	88.308.481	2.889.744
	24.015.790.274	39.282.457.938

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	605.910.400	(4.706.499.789)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	616.059.375	12.354.533
Chi phí hoạt động tài chính khác	10.405.664	69.840.973
	1.232.375.439	(4.624.304.283)

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	46.655.177.598	50.958.749.363
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	156.000.000	92.978.124
- Lỗi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	32.978.124
- Thù lao Hội đồng Quản trị	156.000.000	60.000.000
Thu nhập chịu thuế	46.811.177.598	51.051.727.487
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.702.794.400	12.762.931.872

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
Đơn vị		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND 34.952.383.198	38.195.817.491
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 34.952.383.198	38.195.817.491
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phiếu 36.841.800	36.841.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 948,72	1.036,75

21. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 28 tháng 5 năm 2013, Công ty nhận được một đề nghị trả lãi cho tiền bồi thường bảo hiểm chậm thanh toán của một khách hàng. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Công ty đã có văn bản đề nghị không phải thanh toán khoản lãi này và phía khách hàng đang xem xét đề nghị của Công ty. Báo cáo tài chính này chưa bao gồm chi phí lãi phải trả (nếu có) liên quan đến sự kiện trên do hai bên đang trong quá trình đàm phán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng khách hàng sẽ không tính lãi chậm trả nữa. Vì vậy, Công ty không ghi nhận lãi chậm trả nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	63.694.473.724	40.103.087.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	707.239.854.070	161.570.394.491
Đầu tư ngắn hạn	551.017.374.063	566.154.606.366
Đầu tư dài hạn	7.725.357.600	8.331.268.000
Tài sản tài chính khác	6.498.600.000	516.391.361
Tổng cộng	1.336.175.659.457	776.675.747.648
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	617.979.847.177	87.572.147.946
Dự phòng bồi thường	54.417.688.865	63.290.932.502
Tổng cộng	672.397.536.042	150.863.080.448

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
Đô la Mỹ (USD)	562.490.855.002	9.458.701.709	533.996.202.949	7.777.235.805
Euro (EUR)	298.130.688	169.495.769	57.541.346	59.296.099
Won Hàn Quốc (KRW)	306.781.309	1.746.757.797	-	709.699.592
Ringgit Malaysia (MYR)	65.509.718	110.646.644	69.767.014	64.637.726
Yên Nhật (JPY)	-	-	-	22.992.328
Bảng Anh (GBP)	-	218.428.540	-	-
Nhân dân Tệ (RMB)	-	29.357.594	-	-
Đô la Singapore (SGD)	-	246.301	-	3.486.307

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của đối với thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Đô la Mỹ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	2012
	VND	VND
USD	2.849.465.205	168.146.590

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	63.694.473.724	-	63.694.473.724
Phải thu khách hàng và phải thu khác	707.239.854.070	-	707.239.854.070
Đầu tư ngắn hạn	551.017.374.063	-	551.017.374.063
Đầu tư dài hạn	-	7.725.357.600	7.725.357.600
Tài sản tài chính khác	27.700.000	6.470.900.000	6.498.600.000
	1.321.979.401.857	14.196.257.600	1.336.175.659.457
30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	617.979.847.177	-	617.979.847.177
Dự phòng bồi thường	54.417.688.865	-	54.417.688.865
	672.397.536.042	-	672.397.536.042
Chênh lệch thanh khoản thuần	649.581.865.815	14.196.257.600	663.778.123.415

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	40.103.087.430	-	40.103.087.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	161.570.394.491	-	161.570.394.491
Đầu tư ngắn hạn	566.154.606.366	-	566.154.606.366
Đầu tư dài hạn	-	8.331.268.000	8.331.268.000
Tài sản tài chính khác	52.100.000	464.291.361	516.391.361
	767.880.188.287	8.795.559.361	776.675.747.648
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	87.572.147.946	-	87.572.147.946
Dự phòng bồi thường	63.290.932.502	-	63.290.932.502
	150.863.080.448	-	150.863.080.448
Chênh lệch thanh khoản thuần	617.017.107.839	8.795.559.361	625.812.667.200

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch sau với bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		
Doanh thu phí bảo hiểm	9.371.751.913	25.265.744.280
Doanh thu lãi tiền gửi	19.953.604.578	24.720.044.610
Chi phí hoa hồng và chi đánh giá rủi ro	30.000.868.907	21.291.935.308
Công ty Cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông nghiệp		
Doanh thu lãi tiền gửi	297.196.128	349.386.393
Công ty Cho thuê Tài chính II - Ngân hàng Nông nghiệp		
Doanh thu lãi tiền gửi	684.025.076	1.095.118.775
Công ty Cổ phần chứng khoán ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		
Thu lãi đầu tư chứng khoán	-	3.005.013.318
Ban Tổng Giám đốc		
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.190.054.546	881.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy

Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	61.413.672.881	36.455.359.556
Tiền gửi có kỳ hạn	548.000.000.000	508.000.000.000
Lãi dự thu	4.978.442.762	6.703.257.096
Phải thu phí bảo hiểm gốc	-	13.308.683.662
Phải trả chi phí hoa hồng, chi phí đánh giá rủi ro và chi hỗ trợ đại lý bảo hiểm gốc	14.298.472.190	3.986.547.440
Phải trả cổ tức	15.300.000.000	-
Công ty Cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông nghiệp		
Ký quỹ mua cổ phiếu	18.025.000.000	18.025.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	2.521.566.749	4.293.363.000
Lãi dự thu	15.759.792	210.374.787
Công ty Cho thuê Tài chính II - Ngân hàng Nông nghiệp		
Tiền gửi có kỳ hạn	6.495.807.314	9.861.243.366
Lãi dự thu	107.616.253	488.991.596
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		
Đầu tư cổ phiếu	14.719.049.811	14.719.049.811

24. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	7,49	8,66
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92,51	91,34
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,11	53,59
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30,89	46,41
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,95	1,87
2.2. Khả năng thanh toán nợ nhanh	lần	0,90	0,27
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	19,49	22,55
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	14,60	16,90
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,23	5,51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,42	4,13
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	7,84	8,90

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy
 Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh một ngành nghề và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực bảo hiểm và khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

26. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 29 tháng 6 năm 2013, Đại Hội đồng Cổ đông đã họp và thông qua việc vay vốn để hoàn tất việc chi trả bồi thường cho một tổn thất lớn từ năm 2011. Ngày 31 tháng 7 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay 402.230.000.000 đồng và đã thực hiện việc chi trả bồi thường cho vụ tổn thất nói trên.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét. Một số số liệu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này, cụ thể:

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 (Trước phân loại lại)	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 (Sau phân loại lại)
		VND	VND
Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(62.942.864.869)	(20.322.514.869)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25	-	(42.620.350.000)



Nguyễn Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Phạm Minh Trí
Người lập biểu kiểm
Trưởng phòng kế toán tài chính